TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 12 - 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Võ Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bé D, sinh năm 19XX.

HKTT: Tổ X, ấp X, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 289, ấp T, xã T1, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Tổ X, ấp X, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị Trần Thị Bé D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Bé D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Bé D và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 19/7/2018. Thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc xảy ra nhiều

mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng trong quan điểm sống. Anh Đ không tìm cách giải quyết mà dùng bạo lực đánh chị D. Chị D xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm nhau, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc.

Nay chị Trần Thị Bé D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung, tên Nguyễn Văn D1, sinh ngày 23/10/2019 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 09/5/2021. Hiện nay, 02 con chung đang sống với anh Đ. Khi ly hôn, chị D đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 23/10/2019 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 09/5/2021 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

Anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Đ không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Trích lục kết hôn tên Trần Thị Bé D và Nguyễn Văn Đ (Bản sao);
- Giấy khai sinh tên Nguyễn Văn D1 (Bản sao);
- Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Thảo N (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ cư trú tại ấp Z, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bé D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Xét thấy, chị D và anh Đ qua thời gian tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 19/7/2018, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh Đ không tìm cách giải quyết mâu thuẫn bất đồng của vợ chồng mà lại đánh chị D. Khoảng thời gian sống xa nhau, chị D và anh Đ không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, chị D xác định, chị D và anh Đ không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Trần Thị Bé D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Bé D xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn D1, sinh ngày 23/10/2019 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 09/5/2021. Hiện nay, 02 con chung đang sống với anh Đ. Khi ly hôn, chị D đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Văn D1, sinh ngày 23/10/2019 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 09/5/2021 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay anh Đ đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Dư và Thảo N. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống cũng như nhằm đảm bảo cho 02 cháu D và Thảo N phát triển toàn diện về mọi mặt cả vật chất lẫn tinh thần nên tiếp tục giao 02 cháu D và Thảo N cho anh Đ nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh Đ đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng nhưng không có Văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con gửi cho Tòa án. Cho nên, việc chị D đồng ý giao 02 con chung cho anh Đ nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận.

Sau ly hôn, chị D và anh Đ có quyền, nghĩa vụ trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; anh Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị D không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị D được quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ không có văn bản yêu cầu Tòa án xem xét việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu giải quyết; anh Đ không có Văn bản gửi cho Tòa án yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Bé D phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé D

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Bé D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Văn D1, sinh ngày 23/10/2019 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 09/5/2021 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D và anh Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Bé D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án, số: 0009887 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị D đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THA DS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Số 83/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**